TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quyên và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về "*Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và lời trình bày của bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S tại phiên toà cùng các tài liệu lưu tại hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào năm 1990. Sau khi cưới, vợ chồng ông bà không có con chung nên phát sinh mâu thuẫn.

* Theo bà Phạm Thị L: Năm 2008 vợ chồng ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì vợ chồng ông bà không có con chung, hơn nữa ông S

không chịu khó làm ăn, liên tục đánh đập bà nhiều lần, đến năm 2012 mẹ bà mất thì ông S gây sự và đánh bà ngay tại đám hiếu, bà không chịu được nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay không quan tâm đến ông S nữa. Từ năm 2019 ông S rất nhiều lần đến nhà bà tại xã C, huyện L gây sự và quấy phá bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với ông Đỗ Văn S.

* Theo ông Đỗ Văn S: Nguyên nhân vợ chồng ông mâu thuẫn là do không có con chung, kinh tế khó khăn; năm 2014 bà L bảo ông đi Miền nam làm ăn cùng nhưng không đi; bà L vẫn tự ý đi miền nam còn ông ở quê sinh sống, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà L nên ông không đồng ý ly hôn với bà L.

2. Về con chung: Vợ chồng bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S không có con chung, không có con nuôi; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ, các vấn đề khác: Bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đỗ Văn S. Về con, tài sản và công nợ, các vấn đề khác: Bà L không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

- Bị đơn ông Đỗ Văn S cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà L nên không nhất trí ly hôn với bà L; về con chung, con nuôi: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ, các vấn đề khác: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người làm chứng anh Nguyễn Huy C cho rằng: Bà L và ông S có phát sinh mâu thuẫn, ông S có chửi bới, đánh bà L, anh C là người trực tiếp can ngăn. Có lần ông S đánh bà L, anh không can ngăn được phải gọi công an viên của xóm giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi nghị án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị xử cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L

và ông Đỗ Văn S; về con chung: Vợ chồng bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S không có con chung, không có con nuôi; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S không có con chung, kinh tế khó khăn. Vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Điều đó chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó giải quyết ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S là phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S không có con chung, không có con nuôi; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly cho hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai số AA/2021/0000991 ngày 22/11/2021. Bà Phạm Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L và ông Đỗ Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Thành Nam